

UBND TỈNH AN GIANG
BCĐ PHÁT TRIỂN KHOA
HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ
VÀ ĐỀ ÁN 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 2026

Số: /QĐ-BCĐ

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo
về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và
Đề án 06 tỉnh An Giang

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06 TỈNH AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kế hoạch số 132/KH-

UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1758/TTr-SKHCCN ngày 30 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, các thành viên Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH An Giang;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Hồ Văn Mừng

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06 tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày tháng năm 2026
của Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,
chuyên đổi số và Đề án 06 tỉnh An Giang)

I. QUAN ĐIỂM

1. Thống nhất phương châm hành động năm 2026: **“Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”**, làm định hướng xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

2. Cụ thể hóa đầy đủ, rõ ràng các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06 (Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026); Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026, Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kế hoạch số 132/KH-UBND, và các chỉ đạo, kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06 (ĐA 06); làm căn cứ để các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo các nhiệm vụ, giải pháp.

3. Bảo đảm tính kế thừa và phát huy kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; tập trung tạo đột phá trong các ngành, lĩnh vực có tác động lan tỏa lớn; bảo đảm tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức; các kết quả phải định lượng được, được theo dõi, giám sát minh bạch trên môi trường số.

4. Phân công, điều phối chặt chẽ trách nhiệm giữa các sở, ban, ngành và địa phương; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn thực hiện, sản

phẩm đầu ra và cơ chế theo dõi, đôn đốc, báo cáo; bảo đảm yêu cầu “06 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ rào cản và dẫn dắt phát triển thị trường; các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên, đẩy mạnh chuyên gia công nghệ và chuyển đổi số, nhất là trong các ngành sản xuất, chế biến, chế tạo, qua đó hình thành động lực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCCN, ĐMST, CDS); việc huy động, sử dụng nguồn lực phải bảo đảm đúng quy định pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm KHCCN, ĐMST, CDS đóng góp thiết thực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số thông qua nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

b) Tạo chuyển biến rõ rệt về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị và trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm; tập trung vào các khâu tác động trực tiếp đến năng suất, chi phí, thời gian, chất lượng dịch vụ và khả năng mở rộng thị trường.

c) Xác định năm 2026 là năm chuyển trọng tâm từ hoàn thiện thể chế sang tổ chức thực hiện, giám sát, đo lường và đánh giá kết quả đầu ra, tập trung tạo chuyển biến thực chất trong phát triển KHCCN, ĐMST, CDS và ĐA 06, gắn với nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, cải cách hành chính, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng.

d) Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ nghiên cứu - ứng dụng - thị trường; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao theo hướng có sản phẩm, có kết quả đầu ra và khả năng nhân rộng.

đ) Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi chậm trễ; kiên quyết phòng, chống lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu phê duyệt chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đóng góp cho tăng trưởng

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2026 phấn đấu đạt 14,5%.
- Tỷ trọng đóng góp của KHCCN, ĐMST, CDS trong GRDP phấn đấu đạt 17,5%.

b) Về hoàn thiện thể chế, chính sách

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

c) Về chuyển đổi số

(1) Chuyển đổi số các cơ quan hành chính nhà nước

- Về hạ tầng, nền tảng, dữ liệu số

+ Mở rộng phủ sóng 5G đạt 70% dân số.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bố trí trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

+ 100% hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc; Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử đạt 70% tại cấp tỉnh, 70% tại cấp xã.

- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

+ Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các TTHC thực hiện tại cấp tỉnh, xã) đạt tối thiểu 80%.

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 80%.

+ Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.

+ 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

- Về phát triển kỹ năng số trong thực thi công vụ

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số.

+ 50% cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.

(2) Kinh tế số

- 100% TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp DVC trực tuyến.

(3) Xã hội số

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVC trực tuyến đạt tối thiểu 95%;

- Triển khai chữ ký số miễn phí cho toàn dân trên ứng dụng VNeID.

d) Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) Thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm công nghệ chiến lược

- Thương mại hóa thành công tối thiểu **05 sản phẩm** thuộc Danh mục công nghệ chiến lược (*Chip bán dẫn, thiết bị mạng 5G, robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo, UAV...*).

(2) Nâng cao hiệu quả quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- 100% nhiệm vụ KH, CN, ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, cập nhật kịp thời, đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (*đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, ...*), theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý KH, CN, ĐMST.

(3) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Tăng 30% số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực KH, CN, ĐMST và CDS.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch này (*chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo*) có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong đó xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, các chỉ tiêu trung gian/thành phần, phương pháp tính, đo lường, đánh giá kết quả thực hiện (KPIs), phân công cụ thể cơ quan, đơn vị chủ trì, thời hạn hoàn thành, xác định nguồn lực thực hiện và cơ chế tổ chức triển khai, gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 23 tháng 4 năm 2026 để tổng hợp.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện:

a) Các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, cải cách hành chính và Đề án 06 được giao tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp trong năm 2026 được Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giao tại Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2026.

c) Các nhiệm vụ, giải pháp tại các Thông báo kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

d) Cam kết hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

IV. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo từ nguồn Kinh phí hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh; từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện. Các nhiệm vụ, dự án đề ra phải đảm bảo không trùng lặp với các chương trình, kế hoạch, dự án đã được phê duyệt; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Chủ trì tham mưu, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Đề án 06 tại các phiên họp định kỳ của Ban Chỉ đạo và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan thành lập các đoàn công tác hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các sở, ban, ngành, địa phương; nhiệm vụ thường xuyên.

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương cập nhật, báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương (<https://theodoingq.dcs.vn>) theo yêu cầu của Trung ương trước 16h00 ngày 25 hằng tháng; nhiệm vụ thường xuyên.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính trên phạm vi toàn tỉnh (trừ đôn đốc cải cách thủ tục hành chính gắn với Đề án 06).

b) Theo dõi, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện; gửi báo cáo định kỳ về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để phục vụ các Phiên họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ đạo.

3. Công an tỉnh An Giang

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06; đôn đốc việc thực hiện các

nhiệm vụ liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 trên phạm vi toàn tỉnh; nhiệm vụ thường xuyên.

b) Theo dõi, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện; gửi báo cáo định kỳ về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để phục vụ các Phiên họp định kỳ và đột xuất của Ban Chỉ đạo.

4. Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

a) Các đồng chí Thủ trưởng sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển KH, CN, ĐMST, CDS và ĐA 06 của các sở, ban, ngành, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch này; chỉ đạo việc đề xuất, huy động, bố trí nguồn lực theo quy định để bảo đảm thực hiện hiệu quả; thường xuyên đôn đốc, kịp thời xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ, kém hiệu quả hoặc phát sinh vướng mắc.

b) Các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện nhiệm vụ đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm thống nhất, không chồng chéo; không triển khai nội dung vượt thẩm quyền.

Trường hợp phát sinh nội dung vượt thẩm quyền hoặc giao thoa chức năng, cơ quan chủ trì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo các vấn đề khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo của Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

PHỤ LỤC I
CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch ban hành tại Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày tháng năm 2026 của Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh An Giang)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Phần đầu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	$\geq 14,5$	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu
2	Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong GRDP	%	$\geq 17,5$	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu
3	Mở rộng phủ sóng 5G	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính
5	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử	%	100	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
6	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử			Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
	<i>Cấp tỉnh</i>	%	≥ 70		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	<i>Cấp xã</i>	%	≥ 70		
7	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã)	%	≥ 80	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu
8	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	%	≥ 80	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu
9	Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	%	≥ 80	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Văn phòng UBND tỉnh
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu
11	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	%	100	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
13	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến	%	100	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu
14	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	%	≥95	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Văn phòng UBND tỉnh
15	Tỷ lệ nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu
16	Thương mại hóa thành công sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược	Sản phẩm	05	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu

./.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch ban hành tại Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày tháng năm 2026 của Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh An Giang)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH					
1	Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, có hiệu lực thi hành đồng bộ với hiệu lực thi hành của các Luật đã được Quốc hội thông qua	Thời hạn trình theo văn bản giao nhiệm vụ, các chỉ đạo của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ; thời hạn ban hành, có hiệu lực đồng bộ với Luật	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
II	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO					
2	Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện phân bổ dự toán (ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Tình hình phân bổ dự toán được theo dõi, giám sát thường xuyên	Thường xuyên	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
3	Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh;	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 4/2026	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	thực tiễn, thế mạnh và dư địa tăng trưởng của địa phương mình (ví dụ: công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến - chế tạo, du lịch, logistics, y tế, giáo dục, quản trị đô thị...), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026	nghệ	UBND xã, phường, đặc khu			13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
4	Cân đối bố trí ngân sách địa phương cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; ưu tiên nhiệm vụ có đồng tài trợ, có hợp đồng tiêu thụ hoặc chuyển giao; kiên quyết dừng nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không có đầu ra; bảo đảm đúng theo chủ trương của đảng, quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công và pháp luật quản lý ngành,	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 4/2026 và thực hiện thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	lĩnh vực trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, địa phương					
5	Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị...)	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Quý III/2026	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
6	Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh bảo đảm hiệu quả, phù hợp theo quy định; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; tổ chức kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao, làm chủ công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 4/2026	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
7	Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương; xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 4/2026	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng; Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hoá)		khu			Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
III	CHUYỂN ĐỔI SỐ - KIẾN TRÚC, NỀN TẢNG, DỊCH VỤ SỐ					
8	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp; Công an tỉnh	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời	Thường xuyên	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
9	Chủ động rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số của cơ quan, địa phương (nhất là tại cấp xã), Đối với địa phương (cấp xã), việc rà soát, nâng cấp bảo đảm			Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số của cơ quan, địa phương	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, như:					chuyển đổi số
9.1	Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
9.2	Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
9.3	Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
10	Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 03 năm			<i>Báo cáo kết quả thực hiện</i>	<i>Thường xuyên</i>	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	gần đây; Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số					
10.1	Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
10.2	100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
10.3	Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 03 năm gần đây	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
10.4	Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
11	Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã,	Quyết định ban hành danh mục dữ liệu mở	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	liên quan ban hành danh mục và cung cấp dữ liệu mở theo quy định của pháp luật		phường, đặc khu			Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
12	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
13	Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
14	Thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ,

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành					đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
15	Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
15.1	Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
15.2	Phân công lãnh đạo, nhân lực; Bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn	UBND xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
IV	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU, ĐỊNH DANH, TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06, VÀ VNEID					
16	Ban hành bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Bộ trường thông tin được ban hành	Quý II/2026, sau khi có văn bản hướng dẫn từ bộ, ngành Trung ương	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
17	Khẩn trương đăng ký, xây dựng lộ trình và phương án chuyên dịch hạ tầng về Trung tâm dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Các đơn vị hoàn thành đăng ký hạ tầng sử dụng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia	Tháng 4/2026	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
18	Ban hành kiến trúc dữ liệu địa phương bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc	Kiến trúc dữ liệu của các đơn vị được ban hành	Quý II/2026, sau khi có văn bản hướng dẫn từ bộ, ngành Trung	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ		khu		ương	
V	BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ					
19	100% hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ	Công an tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Hồ sơ cấp độ của các đơn vị được phê duyệt	Quý II/2026	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
20	100% hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	Công an tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá	Quý III/2026	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
21	Quán triệt nguyên tắc “An ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số”. Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu	Công an tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi					chuyển đổi số
VI	ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG, PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC, KỸ NĂNG SỐ					
22	Xây dựng phương án bố trí kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06 (khi có hướng dẫn của Trung ương)	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Phương án được trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; Triển khai hiệu quả nền tảng Bình dân học vụ số	30/6/2026	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
23	Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy sáng tạo và văn hoá công chức mới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là tại cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, “mọi nơi, mọi lúc”, khai thác hiệu	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	quả nền tảng “Bình dân học vụ số”					
24	Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hoá khóm, ấp là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững	UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
25	Theo phạm vi quản lý bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
26	Thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng, công nghệ số cơ	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Dân tộc và	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	bản cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với vị trí việc làm và đa ngôn ngữ (dân tộc thiểu số)		Tôn giáo; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu			Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
27	Củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
28	Nghiên cứu triển khai chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành theo quy định (bao gồm chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài) để dẫn dắt các dự án công nghệ chiến lược (AI, Robot, Y sinh, bán dẫn...)	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành theo quy định	Thường xuyên	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
29	Tổ chức triển khai bồi dưỡng, hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, công	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc	Tổ chức các chương trình bồi dưỡng; hội thảo về ứng dụng	Thường xuyên	Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh;

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời hạn	Căn cứ giao nhiệm vụ
	chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh		khu	công nghệ thông tin, chuyên đổi số		Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh
VII	VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ					
30	Chủ động rà soát, điều chỉnh/hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của tỉnh trong năm 2026	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Tháng 4/2026	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
31	Triển khai thực chất và giải ngân theo đúng tiến độ công việc, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ chung của Nghị quyết số 57-NQ/TW	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Theo đúng tiến độ	Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy An Giang về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

./.